

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

* Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sơn.

2/ Ông Kiên Huơ.

* Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2022 và Thông báo dời thời gian xét xử số: 278/TB-TA ngày 31/03/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu vực H, phường I, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn E quen biết nhau, được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trúc G, sinh ngày 05/02/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh Tuấn E thường xuyên say sưa và bạo lực gia đình với

chị nên từ tháng 03/2021 chị về nhà cha mẹ ruột ở thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang sống đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu giải quyết không công nhận chị với anh Tuấn E là vợ chồng; con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trúc G theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Tuấn E đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, tuyên bố quan hệ giữa chị Đ và anh Tuấn E không phải là vợ chồng, giao con chung cho anh Tuấn E nuôi, chị Đ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xE xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Anh Nguyễn Tuấn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị Đ và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Tuấn E nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn E.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh Đ và anh Nguyễn Tuấn E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng cho đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì trường hợp “*nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết; từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Vì vậy, việc chị Đ yêu cầu Tòa án

không công nhận quan hệ giữa chị với anh Tuấn E là vợ chồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh Tuấn E có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trúc G, sinh ngày 05/02/2007, hiện nay đang sống với anh Tuấn E. Chị Đ xác định cháu G muốn sống với ai thì người đó nuôi, anh Tuấn E không có văn bản trình bày ý kiến của mình, cháu G có nguyện vọng sống với cha. Để cháu G ổn định tâm lý và môi trường sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu G cho anh Tuấn E trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu G tròn 18 tuổi là phù hợp pháp luật nên Tòa án chấp nhận. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu G đến tuổi trưởng thành.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Đ, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết, anh Tuấn E không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xE xét, giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo khoản 4 Điều 147 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh Đ.

1/. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thanh Đ với anh Nguyễn Tuấn E là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc G, sinh ngày 05/02/2007 cho anh Nguyễn Tuấn E trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Trúc G mỗi tháng 745.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*); thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án (20/4/2022) cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng này được thi hành ngay.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thanh Đ, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thanh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Chị chị Nguyễn Thanh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001542 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng nên chị Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng. Anh Tuấn E không phải chịu án phí.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã H, H. KS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm